TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/KDTM-ST
Ngày: 18 - 5 - 2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Thanh Phát
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hà Bửu Khánh
2. Ông Huỳnh Văn Thái

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2022/TLST-KDTM ngày 31 tháng 3 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2022/QĐXXST-KDTM ngày 26 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A.

1.1. Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Tiết Văn T-chức vụ: Tổng giám đốc.

Địa chỉ: Số 02 Láng Hạ, phường H, quận B, Thành phố Hà Nội.

1.2. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Dương Trần Nhật L-chức vụ: Giám đốc Ngân hàng A-chi nhánh huyện G II (văn bản ủy quyền số: 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27 tháng 12 năm 2019).

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

1.3. Người được ủy quyền lại của nguyên đơn: Ông Trịnh Hoàng I, sinh năm: 1978-chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh Ngân hàng A-chi nhánh huyện G II (văn bản ủy quyền ngày 10 tháng 3 năm 2021, có mặt).

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Văn U, sinh năm: 1965-chủ hộ kinh doanh cá thể (có đơn đề nghị vắng mặt).

2.2. Bà Huỳnh Thị C, sinh năm: 1967 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Thành X, sinh năm: 1980 (có đơn đề nghị vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/02/2021 của nguyên đơn và quá trình giải quyết vụ án, ông Trịnh Hoàng I là người được ủy quyền lại của nguyên đơn trình bày:

Ngày 27/3/2020, ông Lê Văn U và bà Huỳnh Thị C, ký kết hợp đồng tín dụng số: 7705-LAV-202000782 với Ngân hàng A-chi nhánh huyện G II, vay tiền là 3.000.000.000 đồng, mục đích vay là mua bán lúa gạo (dựa lúa), thời hạn vay là 12 tháng, kể từ ngày giải ngân (ngày 27/3/2020) đến ngày 25/3/2021, lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng là 10%/ năm (tại thời điểm ký kết), lãi suất được điều chỉnh từng thời kỳ, khi điều chỉnh lãi suất phía Ngân hàng sẽ thông báo cho ông U và bà C biết, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, nếu bên vay chậm trả tiền lãi thì phải chịu phạt do chậm trả tiền lãi là 10%/ năm, kỳ hạn trả nợ gốc cuối kỳ, trả tiền lãi 03 tháng trả 01 lần. Nhằm đảm bảo khoản tiền vay nêu trên, hai bên có ký hợp đồng thế chấp tài sản số: 7705-LCL-202000531 ngày 23/3/2020.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, kể từ ngày giải ngân cho đến kỳ hạn thanh toán tiền lãi lần đầu, ông U và bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận và cho đến nay vẫn chưa thanh toán nợ được phần nào cho phía Ngân hàng. Khi ông U và bà C vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, phía Ngân hàng trực tiếp đến nhà ông U, bà C thông báo việc khách hàng vi phạm nghĩa vụ trả nợ, thông báo chuyển nợ quá hạn và yêu cầu thanh toán nợ (có thông báo, giấy báo nợ quá hạn, biên bản làm việc, cam kết của ông U và bà C kèm theo), ông U và bà C chỉ hứa hẹn, cam kết tự bán tài sản trả nợ nhưng không thực hiện.

Xét thấy, ông U và bà C không có thiện chí trong việc thanh toán nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng A (gọi tắt là Ngân hàng) khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông U, bà C phải trả cho Ngân hàng các khoản tiền vay còn thiếu, tạm tính đến ngày 18/5/2022, cụ thể như sau:

Tiền vay vốn là 3.000.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 651.666.667 đồng, tiền lãi quá hạn là 174.166.667 đồng, tổng cộng là 3.825.833.334 đồng. Ngoài ra, yêu cầu ông U và bà C phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, kể từ ngày 19/5/2022 cho đến khi thanh toán dứt nợ. Trường hợp, ông U và bà C không trả khoản nợ nêu trên, yêu cầu phát mãi tải sản thế chấp để thu hồi nợ gồm:

Thửa đất số 572, tờ bản đồ số 43 và tài sản gắn liền với thửa đất, tọa lạc: Ấp 1, xã Z, huyện G; ghe thép chở hàng, số đăng ký KG-56256.

Ngân hàng không đồng ý giảm tiền lãi quá hạn theo đề nghị của bà C. Quá trình giải quyết vụ án, phía Ngân hàng đã tạo điều kiện cho ông, bà tự bán tài sản để thanh toán nợ, nhưng ông bà vẫn chưa bán tài sản được, trước khi bản án có hiệu lực Ngân hàng cũng tạo điều kiện thuận lợi cho ông U và bà C tự bán tài sản thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Theo bản tự khai của ông Lê Văn U là bị đơn, ngày 10/5/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Huỳnh Thị C là bị đơn trình bày:

Bà thừa nhận vợ, chồng bà có ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng A-chi nhánh huyện G II là đúng và thống nhất với lời trình bày của phía Ngân hàng về các thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản. Kể từ ngày vay tiền cho đến nay, vợ chồng bà vẫn chưa thanh toán nợ được phần nào cho phía Ngân hàng, khi vợ chồng bà vi phạm nghĩa vụ trả nợ, phía Ngân hàng có làm việc, thông báo việc vi phạm nghĩa vụ, chuyển nợ quá hạn và yêu cầu thanh toán nợ, nhưng việc kinh doanh thua lỗ, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, ghe chở hàng thì bị ông X lấy một thời gian, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên chưa thanh toán nợ cho Ngân hàng được. Các tài sản thế chấp hiện nay do vợ chồng bà quản lý.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng, bà có ý kiến như sau: Vợ chồng bà còn nợ Ngân hàng tiền vay vốn là 3.000.000.000 đồng và tiền lãi theo bảng kê do Ngân hàng cung cấp tại phiên tòa, kể từ ngày vay cho đến nay (tiền lãi trong hạn là 651.666.667 đồng, tiền lãi quá hạn là 174.166.667 đồng), tổng cộng là 825.833.334 đồng. Bà đề nghị Ngân hàng xem xét, giảm tiền lãi quá hạn và cho thời gian vợ chồng bà tự bán tài sản, để thanh toán khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thành X là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông U và bà C có thiếu tiền của ông, ông có lấy ghe thép chở hàng, số đăng ký KG-56256, ông không biết đây là tài sản của ông U và bà C thế chấp vay tiền tại Ngân hàng. Hiện tại ông đã trả lại ghe thép chở hàng nêu trên cho ông U và bà C, ông không ý kiến hoặc yêu cầu gì trong vụ án.

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án, xem xét việc thụ lý vụ án, cấp tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng và tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, còn vi phạm về thời hạn xét xử theo Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị khắc phục.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Thành phần Hội đồng xét xử, nguyên tắc xét xử, trình tự, thủ tục phiên tòa sơ thẩm đảm bảo tính khách quan. Thư ký thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản giữa ông U, bà C và Ngân hàng ký kết trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với các quy định của pháp luật. Vì vậy, các bên có quyền, nghĩa vụ thực hiện đúng theo các thỏa thuận trong hợp đồng, thời hạn vay theo thỏa thuận là 12 tháng, kể từ ngày giải ngân (ngày 27/3/2020), việc trả tiền lãi 03 tháng trả 01 lần, trả tiền vay vốn cuối kỳ. Tuy nhiên, đến kỳ hạn trả tiền lãi lần đầu ông U, bà C không thanh toán nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Khi ông U và bà C vi phạm nghĩa vụ trả nợ, phía Ngân hàng đã làm việc, thông báo nợ quá hạn, yêu cầu thanh toán nợ, đến nay hợp đồng đã quá thời hạn nhưng ông, bà không thực hiện nghĩa vụ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông U và bà C phải trả tiền vốn vay, tiền lãi, hoàn toàn phù hợp với sự thỏa thuận của hai bên, phù hợp với các quy định của pháp luật và có cơ sở chấp nhận. Căn cứ vào khoản 4 Điều 11, Điều 323, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông U và bà C phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 18/5/2022, tổng cộng là 3.825.833.334 đồng (trong đó, tiền vốn là 3.000.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 651.666.667 đồng và tiền lãi quá hạn là 174.166.667 đồng). Đồng thời, ông U và bà C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi

theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, cho đến khi thanh toán dứt nợ. Trường hợp ông U, bà C không trả khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Về án phí: Đề nghị hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp và buộc ông U, bà C phải chịu án phí sơ thẩm giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngày 26 tháng 3 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã thụ lý vụ án dân sự sơ thẩm số: 58/2021/TLST-DS về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" giữa nguyên đơn là Ngân hàng A và bị đơn là ông Lê Văn U và bà Huỳnh Thị C. Xét thấy, Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu ông U và bà C phải trả tiền vay theo hợp đồng tín dụng, ông U và bà C vay với tư cách cá nhân, có đăng ký kinh doanh, mục đích vay mua bán lúa gạo (dựa lúa), các bên đều có mục đích lợi nhuận, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án đã chuyển vụ án thành vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 03/2022/TLST-KDTM ngày 31 tháng 3 năm 2022.

Ông U và bà C là bị đơn có nơi cư trú tại huyện G, căn vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Ông U là bị đơn và ông X là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị vắng mặt hợp lệ. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt ông U và ông X.

[2]. Về nội dung vụ án:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, giữa nguyên đơn và bị đơn thống nhất xác định: Ngày 23 và ngày 27 tháng 3 năm 2020, ông Lê Văn U và bà Huỳnh Thị C, ký kết hợp đồng tín dụng số: 7705-LAV-202000782 và hợp đồng thế chấp tài sản số: 7705-LCL-202000531 với Ngân hàng A-chi nhánh huyện G II, để vay tiền và thế chấp tài sản để đảm bảo. Đồng thời, bà C thừa nhận còn nợ Ngân hàng tiền vay vốn là 3.000.000.000 đồng và tiền lãi, kể từ ngày vay cho đến nay.

Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản, được công chứng và đăng ký hợp pháp đúng theo quy định của pháp luật. Như vậy, việc ký kết hợp đồng tín dụng,

hợp đồng thế chấp tài sản giữa hai bên hoàn toàn tự nguyện, phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 317, Điều 318 và Điều 323 của Bộ luật Dân sự và các quy định khác của pháp luật. Do đó, các bên phải thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận trong các hợp đồng đã ký kết.

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A (gọi tắt là Ngân hàng), Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, thời hạn vay là 12 tháng, kể từ ngày giải ngân (ngày 27/3/2020), kỳ hạn trả nợ gốc cuối kỳ, trả tiền lãi 03 tháng trả 01 lần, kể từ ngày giải ngân cho đến kỳ trả tiền lãi lần đầu ông U, bà C không thanh toán tiền lãi theo thỏa thuận và cho đến nay ông, bà vẫn chưa thanh toán nợ được phần nào cho Ngân hàng là vi phạm khoản 4 Điều 1, Điều 2 của hợp đồng tín dụng. Khi ông U và bà C vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, phía Ngân hàng có làm việc, ban hành văn bản thông báo nợ đến hạn, giấy báo nợ quá hạn, yêu cầu thanh toán nợ (bút lục 30, 31 và 32), ông U và bà C cam kết tự bán tài sản để thanh toán nợ nhưng đến nay ông, bà vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo thỏa thuận trong hợp đồng và vi phạm Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông U và bà C phải có trách nhiệm thanh toán nợ là có cơ sở và đúng với sự thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng tín dụng, phù hợp theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bà C đề nghị phía Ngân hàng cho thời gian để tự bán tài sản thanh toán nợ, nhưng không ấn định được thời gian cụ thể và không được phía Ngân hàng chấp nhận, nên đề nghị của bà C không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

Về yêu cầu và đề nghị về lãi: Theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, lãi suất trong hạn là 10%/ năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, nếu bên vay chậm trả tiền lãi thì phải chịu phạt do chậm trả tiền lãi là 10%/ năm. Tuy nhiên, theo bảng kê tiền lãi do Ngân hàng cung cấp tại phiên tòa, chỉ yêu cầu ông U và bà C trả tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn, không yêu cầu phạt chậm trả tiền lãi. Ngân hàng đã thực hiện đúng theo thỏa thuận, có lợi cho ông U và bà C và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, cụ thể như sau: Tiền lãi trong hạn là 651.666.667 đồng, tiền lãi quá hạn là 174.166.667 đồng. Bà C đề nghị phía Ngân hàng xem xét, giảm tiền lãi quá hạn nhưng không được phía nguyên đơn chấp nhận, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

Từ những nhận định và căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông U và bà C, buộc ông U và bà C phải có

nghĩa vụ trả cho Ngân hàng các khoản tiền còn nợ, tạm tính đến ngày 18/5/2022, cụ thể như sau:

Tiền vay vốn là 3.000.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 651.666.667 đồng, tiền lãi quá hạn là 174.166.667 đồng, tổng cộng là 3.825.833.334 đồng, tính tròn là 3.825.833.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông U và bà C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 7705-LAV-202000782 ngày 27/3/2020 cho đến khi thanh toán dứt nợ. Trường hợp, ông U và bà C không có khả năng trả khoản nợ nêu trên, Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện G phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 7705-LCL-202000531 ngày 23/3/2020, gồm:

Thửa đất số 572, tờ bản đồ số 43, diện tích theo giấy là 796m^2, tọa lạc: Ấp 1, xã Z, huyện G, tỉnh Kiên Giang và tài sản gắn liền với thửa đất (thửa đất do ông U và bà C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); ghe thép chở hàng, số đăng ký KG-56256 (do ông U đứng tên).

Khi ông U và bà C thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho ông, bà bản C giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bản C giấy chứng nhận đăng ký phương tiện số 2236/ĐK và làm thủ tục xóa thế chấp cho ông U và bà C.

Bà C nêu lên hoàn cảnh gia đình khó khăn, đề nghị có thời gian tự bán tài sản để thanh toán nợ sẽ được xem xét khi thi hành án.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng tiền tạm ứng án phí đã nộp là 48.825.000 đồng (bốn mươi tám triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng), do ông Trịnh Hoàng I nộp thay, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002213 ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Ông Lê Văn U, bà Huỳnh Thị C phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm giá ngạch tương ứng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là 3.825.833.000 đồng, cụ thể như sau: 72.000.000 đồng + 2% của phần giá trị tranh

chấp vượt 2.000.000.000 đồng (1.825.833.000 đồng x 2% = 36.516.660 đồng), bằng 108.516.660 đồng, tính tròn là 108.517.000 đồng.

[4]. Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 4 Điều 11, Điều 317, Điều 318, Điều 322, Điều 323, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

Khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông Lê Văn U, bà Huỳnh Thị C.

Buộc ông Lê Văn U, bà Huỳnh Thị C phải trả cho Ngân hàng A (Agribank chi nhánh huyện G II), các khoản tiền còn thiếu, tạm tính đến ngày 18/5/2022, cụ thể như sau:

Tiền vay vốn là 3.000.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 651.666.667 đồng, tiền lãi quá hạn là 174.166.667 đồng, tổng cộng là 3.825.833.334 đồng, tính tròn là 3.825.833.000 đồng (ba tỉ tám trăm hai mươi lăm triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/5/2022), ông U và bà C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 7705-LAV-202000782 ngày 27/3/2020 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông U và bà C không trả khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng A thì Ngân hàng A (Agribank chi nhánh huyện G II), có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 7705-LCL-202000531 ngày 23/3/2020, gồm:

Thửa đất số 572, tờ bản đồ số 43, diện tích theo giấy là 796m^2, tọa lạc: Ấp 1, xã Z, huyện G, tỉnh Kiên Giang và tài sản gắn liền với thửa đất (thửa đất do ông U, bà C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Ghe thép chở hàng, số đăng ký KG-56256 (do ông U đứng tên).

Trường hợp, ông U và bà C thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A, Ngân hàng A (Agribank chi nhánh huyện G II), có nghĩa vụ trả lại cho ông U và bà C bản C giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 115658, bản C giấy chứng nhận đăng ký phương tiện số 2236/ĐK và làm thủ tục xóa thế chấp cho ông U và bà C.

2. Về án phí: Hoàn trả cho Ngân hàng A (Agribank chi nhánh huyện Giồng Riềng Kiên Giang II), tiền tạm ứng án phí đã nộp là 48.825.000 đồng (bốn mươi tám triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng), do ông Trịnh Hoàng I nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002213 ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Buộc ông Lê Văn U, bà Huỳnh Thị C phải chịu án phí sơ thẩm là 108.517.000 đồng (một trăm linh tám triệu năm trăm mười bảy nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng A, bà Huỳnh Thị C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 18/5/2022); ông Lê Văn U và ông Nguyễn Thành X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Thi hành án huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Thanh Phát